

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-PT

Ngày: 19-3-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản và mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Ông Huỳnh Châu Thạch

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**
Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện DL bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐ-PT ngày 22/02/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị Kim Ng**, sinh năm 1972;
Trú tại: Số 388 thôn 6, xã TCh, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị đơn:** Vợ chồng bà **Lê Trần Phương T**, sinh năm 1982;
Ông **Thân Văn H**, sinh năm 1979;

Trú tại: Số 06 thôn 2, xã ĐTT, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà T: Luật sư Lê Cao T1 – Văn phòng luật sư BT thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Công ty cổ phần APL Lâm Đồng

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc S. Chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: Số 185 CVA, phường 2, Tp. BL, tỉnh Lâm Đồng.

- **Người kháng cáo:** bị đơn bà Lê Trần Phương T.

(Bà Ng, bà T, luật sư T1 có mặt;
các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 29/01/2018, bản tự khai của nguyên đơn bà Ng:

Quá trình làm ăn buôn bán, bà Ng nhiều lần cho vợ chồng bị đơn vay tiền, bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; tính đến ngày 14/5/2015 thì bà T còn nợ bà Mai số tiền 300.700.000 đồng và bà T có viết giấy khất nợ và ký nhận, hẹn 20 ngày sau kể từ ngày viết giấy sẽ trả cho bà 80.000.000 đồng, số nợ còn lại sẽ trả dần trong 02 năm và không tính lãi nhưng bà T không thực hiện. Căn cứ giấy vay nợ ngày 14/5/2015, ngày 09/10/2015 bà Ng ký Hợp đồng ủy quyền đòi nợ với Công ty cổ phần APL Lâm Đồng để thu hồi nợ giúp bà số tiền 201.700.000 đồng; Công ty APL mới thu hồi được 50.000.000 đồng, đến nay 02 bên đã thanh lý hợp đồng ủy quyền đòi nợ trên.

Mặc dù trong giấy khất nợ chỉ có bà T ký nhận nợ nhưng thời điểm vay tiền giữa bà T và ông H đang tồn tại quan hệ hôn nhân, tiền vay sử dụng chung cho nhu cầu sinh hoạt gia đình nên bà xác định đây là nợ chung của vợ chồng bà T, ông H. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T, ông H cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền 151.700.000 đồng, lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 14/5/2015 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tài liệu, chứng cứ: Bản chính giấy khất nợ ngày 14/5/2015; Hợp đồng ủy quyền đòi nợ số 166 HĐUQĐN ngày 09/10/2015; Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 18/4/2018.

Bị đơn bà Lê Trần Phương T trình bày:

Theo Giấy khất nợ ghi ngày 14/5/2015 thể hiện bà còn nợ bà Ng 300.700.000 đồng là không đúng, thực tế bà chỉ nợ bà Ng 170.000.000 đồng là tiền mua cà phê non, phân bón nhưng do làm ăn thua lỗ nên chưa trả được; bà Ng tính toán gốc nhập lãi của số tiền trên đến ngày 14/5/2015 thành tiền 300.700.000 đồng. Ngày 09/10/2015, bà Ng ủy quyền cho Công ty APL thu nợ thì bà đã trả được 50.000.000 đồng.

Nay bà T thống nhất với bà Ng việc bà còn nợ số tiền 151.700.000 đồng nhưng đề nghị bà Ng cản trừ 20.000.000 đồng bà trả vào khoảng tháng 12/2014 và 20.000.000 đồng bà trả cho bà H1 (không rõ họ tên, địa chỉ) khi bà Ng đi nước ngoài; cản trừ một chân huê 135.000.000 đồng mà bà Ng làm cái đã hót của bà. Tổng số tiền bà Ng đã nhận đã vượt quá nghĩa vụ của bà đối với bà Ng nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ng. Bà T khẳng định các khoản vay nợ, mua bán với bà Ng là việc riêng của bà, không liên quan đến ông Thân Văn H.

Tài liệu, chứng cứ: Bản chính giấy hẹn trả nợ ngày 30/10/2015.

Bị đơn ông Thân Văn H: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty APL do ông Hoàng Ngọc S - đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 09/10/2015, bà Võ Thị Kim Ng có ký hợp đồng ủy quyền cho Công ty thu hồi số tiền 201.700.000 đồng mà bà T nợ bà Ng. Công ty đã thu hồi được 50.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa thu hồi được và đến nay hai bên đã thanh lý hợp đồng. Nay Công ty xác định không liên quan gì đến việc vay nợ giữa bà Ng và bà T, đề nghị Tòa án cho vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền 151.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà T giữ nguyên ý kiến trình bày.

Tại Bản án sơ thẩm số 32/2018/DS-ST ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện DL đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim Ng về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay và mua bán tài sản*”. Buộc vợ chồng bà Lê Trần Phương T, ông Thân Văn H cùng có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Kim Ng số tiền 151.700.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 30/10/2018, bị đơn bà Lê Trần Phương T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị đơn bà T và luật sư T1 cho rằng không nợ bà Võ Thị Kim Ng mà nợ bà Hòa Ng ở thành phố BL, đề nghị tiến hành xác minh. Nguyên đơn bà Ng không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa nguyên đơn và bị đơn có thiết lập quan hệ vay tiền và mua bán phân bón, cà phê non. Ngày 14/5/2015, bị đơn viết “Giấy khát nợ” với nội dung xác nhận nợ nguyên đơn số tiền 300.700.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 151.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay và mua bán tài sản*” là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy:

Thời điểm bà T trả cho bà Ng số tiền 20.000.000 đồng vào tháng 12/2014 là trước thời điểm hai bên chốt nợ vào ngày 14/5/2015. Vì vậy, yêu cầu cản trừ số tiền trên của bà T là không phù hợp.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà bà T đưa cho bà Lê Thị H1: tại phiên tòa hôm nay, bà T không cung cấp được địa chỉ của bà H1 và các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho việc bà H1 đã nhận và giao tiền cho bà Ng. Phía bà Ng không thừa nhận nên không có căn cứ để cản trừ số tiền này theo yêu cầu của bà T.

Đối với số tiền 135.000.000 đồng mà bà T cho rằng tiền chơi huê do bà Ng làm cái huê và đã hốt của bà T thì thấy rằng: Bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này. Tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà T thừa nhận không có đơn yêu cầu phản tố đối với bà Ng để yêu cầu bà Ng phải cản trừ số tiền 20.000.000 đồng và khoản tiền huê 135.000.000 đồng. Vì vậy, nếu bà T có tranh chấp hai khoản tiền nói trên với bà Ng thì sẽ được quyền làm đơn khởi kiện để được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T cho rằng bà nợ bà Hòa Ng chứ không phải nợ bà Võ Thị Kim Ng. Tuy nhiên, bà T không có chứng cứ chứng minh và không cung cấp được địa chỉ của bà Hòa Ng. Trong khi đó, bà Võ Thị Kim Ng trình bày Hòa Ng là tên đại lý kinh doanh do bà làm chủ. Mặt khác, toàn bộ chứng cứ để chứng minh cho việc khởi kiện đều do bà Võ Thị Kim Ng xuất trình nên việc bà T không nợ bà Võ Thị Kim Ng là không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ.

Do khoản nợ hình thành trong thời kỳ hôn nhân và mục đích vay tiền, mua bán hàng hóa là để phục vụ cho nhu cầu làm ăn, sinh hoạt chung của gia đình, nên bản án sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng bà T, ông H cùng có trách nhiệm trả cho bà Ng là phù hợp.

Từ những phân tích trên thấy rằng, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T nên Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Trần Phương T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim Ng về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và mua bán tài sản”. Buộc vợ chồng bà Lê

Trần Phương T, ông Thân Văn H cùng có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Kim Ng số tiền 151.700.000 đồng (Một trăm năm mươi một triệu, bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Hoàn trả cho bà Võ Thị Kim Ng số tiền 7.517.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003271 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DL.

Bà Lê Trần Phương T, ông Thân Văn H phải chịu 7.585.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009244 ngày 08/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DL. Bà T, ông H còn phải nộp 7.585.000 đồng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LĐ;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND huyện DL;
- Chi cục THADS huyện DL;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Hữu Nhân